TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 28 – 6 – 2024
V/v Tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Duyên.

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 37/2024/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 4110/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tp.TĐ, Thành phố H bị ông Lê Bá P kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2866/2024/QĐXXPT – HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 34 đường số 02, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD.

- Bị đơn: Ông Lê Bá P, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 283 đường Quốc lộ 1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị T tiến tới hôn nhân với ông Lê Bá P từ năm 1974. Quá trình chung sống có 03 người con chung. Tháng 01/2022 hai ông bà đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 168/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H. Quá trình chung sống, hai ông bà có tạo lập được tài sản chung là 02 căn nhà:

+ Căn nhà địa chỉ số 283 đường Quốc lộ 1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H. Nguồn gốc do nhận chuyển nhượng vào năm 1992, diện tích 200m^2. Đến năm 2000, Nhà nước thu hồi giải tỏa diện tích 170,5m^2 còn lại 29,5m^2. Đến

năm 2001, ông bà nhận chuyển nhượng thêm diện tích 40m^2. Tổng diện tích sử dụng được đo vẽ là 70m^2. Trong năm 2001, ông bà xây không phép 01 lầu, 01 trệt. Hiện nay phần nhà đất này ông bà chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận. Sau khi ly hôn, ông P là người đang quản lý, sử dụng nhà đất này.

+ Căn nhà địa chỉ số 34 đường số 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD. Nguồn gốc do hai ông bà nhận chuyển nhượng vào năm 2001, diện tích đất 99,50m^2 theo Giấy chứng nhận số 681 QSDĐ/2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh BD cấp ngày 02/8/2001 đứng tên hộ gia đình. Đến tháng 8/2001, ông bà xây 05 phòng trọ cho thuê, từ khi ly hôn đến nay, bà T là người quản lý, sử dụng nhà đất này.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày yêu cầu giải quyết chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân:

- Phương án 1: Chia đôi nhà đất theo hiện vật, bà T nhận sở hữu và sử dụng đối với căn nhà địa chỉ số 34 đường số 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD; ông P nhận sở hữu và sử dụng đối với căn nhà địa chỉ số 283 đường Quốc lộ 1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H. Bà T sẽ hoàn lại ½ phần giá trị chênh lệch cho ông P theo kết quả định giá.

- Phương án 2: Bà T đồng ý nhận căn nhà địa chỉ số 283 đường Quốc lộ 1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H có giá trị nhỏ hơn và giao cho ông P căn nhà địa chỉ số 34 đường số 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD, bà T tự nguyện không yêu cầu ông P hoàn giá trị chênh lệch.

Bị đơn ông Lê Bá P trình bày xác định:

Thống nhất về nguồn gốc, quá trình sử dụng hai căn nhà. Tại biên bản hòa giải ngày 10/11/2022 và ngày 18/8/2023, bị đơn thống nhất để bà T nhận sở hữu và sử dụng đối với căn nhà địa chỉ số 34 đường số 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD; ông P nhận sở hữu và sử dụng đối với căn nhà địa chỉ số 283 đường Quốc lộ 1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H. Bà T sẽ hoàn lại ½ phần giá trị chênh lệch cho ông P theo kết quả định giá. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 13/9/2023, bị đơn lại không thống nhất với các đề xuất chia theo hiện vật của nguyên đơn mà yêu cầu bán cả hai căn nhà, được bao nhiêu thì chia đôi giá trị.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn thay đổi ý kiến xác định không đồng ý với kết quả định giá nên để đảm bảo công bằng đề nghị cho bán cả hai căn nhà, được bao nhiêu thì chia đôi giá trị. Ngoài ra, sau khi ly hôn ông P có tự sửa chữa một số phần của căn nhà đang ở, đồng thời quá trình chung sống bà T có nhận chuyển nhượng và chuyển nhượng 02 phần đất khác bằng giấy tờ tay tại tỉnh BD nhưng chưa được giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 4110/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H đã nhận định:

Căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 168/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H và lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định bà T và ông P đã ly hôn.

Căn cứ Văn bản số 3678/UBND-TNMT ngày 03/7/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H đối với nguồn gốc căn nhà số 283 đường Quốc lộ 1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H thuộc thửa số 31, 32 tờ bản đồ số 111, Bộ địa chính phường BC, quận TĐ (Tài liệu năm 2003) theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 22/3/2023.

Căn cứ Giấy chứng nhận số 681 QSDĐ/2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh BD cấp ngày 02/8/2001 và Bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 01/3/2023 đối với căn nhà chỉ số 34 hẻm 384, đường số 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD.

Căn cứ các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; lời trình bày của bà T và ông P; căn cứ nội dung trình bày của những người trong hộ gia đình cùng xác định không có công sức đóng góp tạo lập và không có yêu cầu hay tranh chấp gì.

Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình chung sống, hai ông bà có tạo lập được tài sản chung là căn nhà số 34 đường số 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD và căn nhà số 283 đường Quốc lộ 1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H. Trước khi ly hôn, bà T và ông P có lập Biên bản thỏa thuận chia tài sản chung ngày 07/01/2022, tuy nhiên nội dung thỏa thuận không phù hợp với tình trạng pháp lý của tài sản, chưa được sự thống nhất của các thành viên trong hộ gia đình và các bên có tranh chấp nên cần áp dụng luật Hôn nhân và gia đình để chia tài sản chung hợp nhất là có sơ sở.

Về hoàn cảnh, cả hai đều đã cao tuổi nên khả năng lao động để tạo ra thu nhập là đều rất hạn chế. Từ khi ly hôn, bà T ở cùng người con nuôi tên Lê Bình Y, sinh năm 2005 (*vừa mới trưởng thành*) tại căn nhà số 34 đường số 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD còn ông P sống cùng người con tên Lê Tiến D (*đã trưởng thành và có việc làm*) tại căn nhà số 283 đường Quốc lộ 1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H. Ngoài tài sản chung trên, hai ông bà không còn chỗ ở nào khác.

Về công sức đóng góp và tạo lập tài sản chung hai bên đều thống nhất như nhau nên mỗi bên được nhận ½ giá trị tài sản. Do vậy, để cho bà T và ông P được tiếp tục sử dụng căn nhà mà ông bà đang ở và bà T hoàn lại ½ giá trị chênh lệch như đề nghị của bà T là phù hợp.

Đối với ý kiến của ông P tại phiên tòa xác định không đồng ý với kết quả định giá, theo ông P giá trị căn nhà ông đang ở số 283 đường Quốc lộ 1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H là chưa tới 01 tỷ đồng còn căn nhà bà T đang ở tại BD có người từng trả hơn 04 tỷ đồng. Tuy nhiên ông P không cung cấp được tài liệu chứng cứ xác định kết quả định giá không đúng giá trị thực tế của tài sản, trong khi tại biên bản hòa giải ngày 13/9/2023 ông P cũng thống nhất với kết quả định giá và đồng ý chịu ½ chi phí tố tụng. Mặt khác, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà T mong muốn có một căn nhà để ở dưỡng già, bà đồng ý giao cho ông P căn nhà có giá trị lớn hơn, đồng ý nhận căn nhà còn lại có giá trị nhỏ hơn và tự nguyện không yêu cầu ông P phải hoàn lại ½ giá trị chênh lệch là có lợi cho ông P nhưng ông P lại không đồng ý. Do vậy việc ông P muốn Tòa án cho bán cả hai phần nhà đất, được bao nhiêu thì chia đôi giá trị là không phù hợp.

Ngoài ra, cũng tại phiên tòa ông P xác định sau khi ly hôn ông có tự sửa chữa một số phần của căn nhà ông đang ở, đồng thời quá trình chung sống bà T có nhận

chuyển nhượng và chuyển nhượng 02 phần đất khác bằng giấy tờ tay tại tỉnh BD nhưng chưa được giải quyết. Tuy nhiên, ông P lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung trình bày và yêu cầu này nếu có cũng không có cơ sở xem xét trong vụ án này do được đưa ra sau khi Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Căn cứ theo kết quả định giá được các bên thống nhất xác định:

+ Căn nhà số 34 đường số 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD có giá trị 3.358.000.000 đồng.

+ Căn nhà số 283 đường Quốc lộ 1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H có giá trị 3.046.000.000 đồng.

Do vậy, phần giá trị bà T phải hoàn lại cho ông P = 3.358.000.000 đồng - 3.046.000.000 đồng = 312.000.000 đồng : 2 = 156.000.000 đồng.

Từ những nhận định nêu trên, cấp sơ thẩm đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc "*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*" với ông Lê Bá P.

- Ông Lê Bá P được trọn quyền sở hữu căn nhà số 283 đường Quốc lộ 1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H thuộc thửa số 31, 32 tờ bản đồ số 111, Bộ địa chính phường BC, quận TĐ (Tài liệu năm 2003) theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 22/3/2023. Ông Lê Bá P được quyền liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận sở hữu căn nhà theo quy định.

- Bà Nguyễn Thị T được trọn quyền sở hữu căn nhà số 34 hẻm 384, đường số 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD theo Giấy chứng nhận số 681 QSDĐ/2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh BD cấp ngày 02/8/2001 và Bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 01/3/2023. Sau khi bà T thực hiện hoàn tất việc giao cho ông P số tiền 137.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật hoặc cấp đổi lại Giấy chứng nhận sở hữu căn nhà theo quy định.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi, theo mức lãi suất chậm thi hành án quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/10/2023, ông Lê Bá P kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, ngày 28/5/2024 bà Nguyễn Thị T, ông Lê Bá P thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Về tài sản chung: Xác định vợ chồng có tài sản chung là:

- Căn nhà số 34 đường số 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD.

- Căn nhà số 283 đường QL1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H.

Về diện tích, vị trí đã được thể hiện tại Bản án sơ thẩm.

Chia tài sản chung như sau:

- Bà Nguyễn Thị T được trọn quyền sở hữu căn nhà số 34 đường số 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD.

- Ông Lê Bá P được trọn quyền sở hữu căn nhà số 283 đường QL1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H. Ông Lê Bá P được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký xác lập quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật, chấp hành quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở.

- Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Bá P số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Lê Bá P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T chậm hoặc chưa thi hành án số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự tương ứng với khoản tiền, thời gian chưa thi hành án.

Ngay khi bà Nguyễn Thị T thi hành xong số tiền nêu trên, bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh, cập nhật đăng ký xác lập quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật, chấp hành quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Bá P có xin yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Qua việc kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 286 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Quyết định đưa vụ án ra xét xử gửi cho Viện kiểm sát, giao cho các đương sự, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại Điều 290, Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 239, 297, 298, 301, 302, 303 và 305 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm đến thời điểm này nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo:

Ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H ban hành Bản án số 4110/2023/ HNGĐ-ST.

Ngày 09/01/2024, Tòa án nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 03/2024/QĐ-PT ngày 09/01/2024. Bị đơn ông P có đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí nên được miễn tạm ứng án phí.

Ngày 01/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H ban hành thông báo kháng cáo số 857/TB-TA theo quy định tại khoản 3 Điều 275 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 272; khoản 3 Điều 275 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì kháng cáo của bị đơn ông Lê Bá P là hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Bị đơn ông Lê Bá P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, theo nội dung biên bản làm việc ngày 28/5/2024, Tòa án nhân dân Thành phố H đã ghi nhận sự thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Bá P về việc chia tài sản chung như sau:

- Bà Nguyễn Thị T được trọn quyền sở hữu căn nhà số 34 hẻm 384, đường số 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD theo Giấy chứng nhận số 681 QSDĐ/2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh BD cấp ngày 02/8/2001 và Bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 01/3/2023.

- Ông Lê Bá P được trọn quyền sở hữu căn nhà số 283 đường Quốc lộ 1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H thuộc thửa số 31, 32 tờ bản đồ số 111, Bộ địa chính phường BC, quận TĐ (Tài liệu năm 2003) theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 22/3/2023.

Ông Lê Bá P được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký xá lập quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật, chấp hành quy định của pháp luật vê đất đai, nhà ở.

Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Bá P số tiền 350.000.000 đồng, thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngay khi bà Nguyễn Thị T thi hành xong số tiền nêu trên, bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh, cập nhật đăng ký xác lập quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật, chấp hành quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở.

Kể từ ngày ông Lê Bá P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T chậm hoặc chưa thi hành án số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự tương ứng với khoản tiền, thời gian chưa thi hành án.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bởi các lẽ trên,

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên xử:

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Bá P.

- Căn cứ khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án sơ thẩm số 4110/2023/HNGĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H.

Về án phí phúc thẩm: Ông P được miễn án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H ban hành Bản án số 4110/2023/ HNGĐ-ST.

Ngày 09/01/2024, Tòa án nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 03/2024/QĐ-PT ngày 09/01/2024.

Căn cứ Điều 272, khoản 3 Điều 275 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; kháng cáo của bị đơn ông Lê Bá P là hợp lệ nên cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Lê Bá P, xét thấy:

Ngày 28/5/2024, bà Nguyễn Thị T, ông Lê Bá P thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Về tài sản chung: Xác định vợ chồng có tài sản chung là:

- Căn nhà số 34 đường số 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD.

- Căn nhà số 283 đường QL1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H.

Về diện tích, vị trí đã được thể hiện tại Bản án sơ thẩm.

Chia tài sản chung như sau:

- Bà Nguyễn Thị T được trọn quyền sở hữu căn nhà số 34 đường số 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD.

- Ông Lê Bá P được trọn quyền sở hữu căn nhà số 283 đường QL1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H. Ông Lê Bá P được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký xác lập quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật, chấp hành quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở.

- Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Bá P số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Lê Bá P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T chậm hoặc chưa thi hành án số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự tương ứng với khoản tiền, thời gian chưa thi hành án.

Ngay khi bà Nguyễn Thị T thi hành xong số tiền nêu trên, bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh, cập nhật đăng ký xác lập quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật, chấp hành quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở.

Xét thấy việc thỏa thuận nêu trên giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Bá P là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp Điều 5, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông Lê Bá P, sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 4110/2023/ HNGĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T, ông Lê Bá P được miễn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Lê Bá P được miễn theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa: Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 5, Điều 104, Điều 147, Điều 148, Điều 293, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Bá P.

Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 4110/2023/ HNGĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Lê Bá P:

1. Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Bá P là:

- Căn nhà số 283 đường Quốc lộ 1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H, diện tích đất 77,7m^2, tài liệu năm 2003 thuộc thửa đất số 31, 32 tờ bản đồ số 111, Bộ địa chính phường BC, quận TĐ (Nay là thành phố TĐ), Thành phố H, diện tích sàn xây dựng 147m^2 theo Bản đồ hiện trạng vị trí và họa đồ hiện trạng nhà ngày 22/3/2023 của Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H.

- Căn nhà số 34 hẻm 384, đường số 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD, diện tích đất ở 99,5m^2 thuộc thửa đất số Ô 19 (1263), Lô B Khu dân cư AB 2, Khu phố BĐ 4, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD, diện tích xây dựng 76,4m^2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 681 QSDĐ/2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh BD cấp ngày 02/8/2001 và Bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 01/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ thành phố DA, tỉnh BD.

2. Phân chia tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Bá P như sau:

- Ông Lê Bá P được trọn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại căn nhà số 283 đường Quốc lộ 1A, phường BC, thành phố TĐ, Thành phố H, diện tích đất 77,7m^2, tài liệu năm 2003 thuộc thửa đất số 31, 32 tờ bản đồ số 111, Bộ địa chính phường BC, quận TĐ (Nay là thành phố TĐ), Thành phố H, diện tích sàn xây dựng 147m^2 theo Bản đồ hiện trạng vị trí và họa đồ hiện trạng nhà ngày 22/3/2023 của Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H. Ông Lê Bá P được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký xác lập quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật, chấp hành quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở.

- Bà Nguyễn Thị T được trọn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại căn nhà số 34 hẻm 384, đường số 2, Khu phố 4, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD, diện tích đất ở 99,5m^2 thuộc thửa đất số Ô 19 (1263), Lô B Khu dân cư AB 2, Khu phố BĐ 4, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD, diện tích xây dựng 76,4m^2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 681 QSDĐ/2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh BD cấp ngày 02/8/2001 và Bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 01/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ thành phố DA, tỉnh BD.

- Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Bá P số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Lê Bá P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T chậm hoặc chưa thi hành án số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự tương ứng với khoản tiền, thời gian chưa thi hành án.

Ngay khi bà Nguyễn Thị T thi hành xong số tiền nêu trên, bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký, điều chỉnh, cập nhật chỉnh lý biến động, xác lập quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn

liền với đất theo quy định của pháp luật, chấp hành quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở.

3. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T, ông Lê Bá P được miễn.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 10.300.000đ (Mười triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006011 ngày 10/10/2022 **c**ủa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố H.

II. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Lê Bá P được miễn.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Chi cục THADS.TPTĐ, TP.H;
- TAND.TPTĐ, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức